

Bản án số: 83/2019/HSPT  
Ngày: 17/4/2019.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn;  
Bà Hoàng Lan Phương.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa - Ông Lê Thanh Thảo - Kiểm sát viên.***

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là TAND) tỉnh Thanh Hóa xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2019/HSPT số 28 ngày 14/01/2019 đối với bị cáo Lê Văn L và Lê Khắc S, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 244/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND Thành phố Thanh Hóa.

***- Các bị cáo kháng cáo:***

1. Lê Văn L, sinh năm 1981; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K; vợ là Lê Thị Q, có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 01/11/2016 đến ngày 03/11/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Lê Khắc S, sinh năm 1973; ĐKKHKT và chỗ ở: SN 71 L Đắc B, phường S, Tp.Lhố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc M (chết) và bà Lê Thị N; vợ là Nguyễn Thị B (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại; có mặt.

***-Người bị hại không kháng cáo (65 người):*** Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của những người xin việc làm lấy tiền chi tiêu cá nhân, khoảng tháng 4/2007, Lê Khắc S và Lê Văn L Tập Công ty kỹ Thuật môi trường và làm sạch Th Hóa, địa chỉ: 448 Lê Lai, phường S, Tphố Th Hóa. Công ty do Lê Khắc S làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Lê Văn L làm Giám đốc. Khi đăng ký Tập Công ty, S và L đăng ký vốn điều lệ là 1.200.000.000đ, ngành nghề kinh doanh là làm sạch môi trường và vệ sinh. Sau khi được cấp phép Tập thì trong Công ty không có vốn điều lệ như đăng ký, Công ty không hề có hoạt động gì, L và S cũng không có ai góp cổ phần vào Công ty.

Để có kinh phí cho Công ty hoạt động và lấy tiền chi tiêu cá nhân, S và L đã bàn bạc với nhau đến Đài phát Th T hình Th Hóa đăng thông báo tuyển dụng lao động và nhân viên văn phòng với nội dung: Tuyển dụng nhân viên văn phòng và công nhân làm sạch môi trường vào công ty; được Công ty đưa đi đào tạo và bố trí việc làm tại các sở, cơ quan Nhà nước với mức L từ 800.000đ đến 1.200.000đ; được hưởng các chế độ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội. Sau khi đăng thông báo đã có 70 người đến nộp hồ sơ tuyển dụng, trong đó S và L nhận 09 nhân viên làm văn phòng (kế toán, thủ quỹ, giáo viên); còn lại 61 người làm công nhân. Cứ một người đến nộp hồ sơ xin vào làm tại Công ty; đối với nhân viên Văn phòng, S và L Th tiền đặt cọc của mỗi người là 6.000.000đ, số tiền này hai bên thỏa Thận để đảm bảo trách nhiệm làm việc với Công ty, sau khi làm việc được từ 2 đến 3 tháng Công ty sẽ H trả lại 50% số tiền đặt cọc, số còn lại sẽ Th toán khi chấm dứt hợp đồng; đối với công nhân, Th của mỗi người từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ.

Quá Trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây gọi tắt là CQCSĐT) Công an Tphố Th Hóa đã làm rõ: Từ ngày 27/4/2007 đến ngày 04/9/2007 L và S đã nhận hồ sơ và Th tiền của 59 người là 169.700.000đ. Cụ thể:

1. Ngày 27/4/2007 của ông Lê Văn T số tiền 2.000.000đ.
2. Ngày 27/4/2007 của bà Lê Thị Thư số tiền 1.700.000đ, tiếp đến ngày 06/6/2007 Th 500.000đ, tổng số tiền: 2.200.000đ.
3. Ngày 28/4/2007 của bà Thiệu Thị Xuân Y, số tiền 6.000.000đ.
4. Ngày 09/5/2007 của chị Lê Thị P, số tiền 2.500.000đ
5. Ngày 03/5/2007 của bà: Lê Thị H, số tiền 2.000.000đ;
6. Ngày 04/5/2007 của ông: Đỗ Huy H, số tiền 2.500.000đ;
7. Ngày 05/5/2007 của bà: Lê Thị TH, số tiền 2.500.000đ;
8. Ngày 05/5/2007 của bà: Nguyễn Thị Hà Th, số tiền 1.500.000đ, đến ngày 07/5/2007 Th tiếp số tiền 4.500.000đ; tổng số tiền 6.000.000đ.
9. Ngày 07/5/2007 của chị: Lê Thị Tâm, số tiền 2.000.000đ.
10. Ngày 30/4/2007 của chị Nguyễn Thị M, số tiền 6.000.000đ
11. Ngày 08/5/2007 của anh Nguyễn Văn H, số tiền 2.500.000đ
12. Ngày 08/5/2007 của chị Vũ Thị L, 5.000.000đ.
13. Ngày 08/5/2007 của chị Lê Thị B, số tiền 6.000.000đ.

14. Ngày 09/5/2007 của chị Đỗ Thị H, số tiền 2.500.000đ
15. Ngày 09/5/2007 của chị Nguyễn Thị Th, số tiền 2.500.000đ
16. Ngày 09/5/2007 của chị Nguyễn Thị L, số tiền 2.500.000đ.
17. Ngày 13/5/2007 của chị Nguyễn Thị Th, số tiền 2.500.000đ
18. Ngày 13/5/2007 chị Hg Thị H, số tiền 2.500.000đ
19. Ngày 15/5/2007 của chị Đình Thị Tài Hóa, số tiền 6.000.000đ
20. Ngày 15/5/2007 của anh Phạm Văn H, số tiền 3.000.000đ
21. ngày 16/5/2007 của chị Lê Thị T, số tiền 2.500.000đ
22. Ngày 16/5/2007 của chị Lê Thị N, số tiền 2.500.000đ.
23. Ngày 18/5/2007 của chị Phạm Thị P, số tiền 2.500.000đ
24. Ngày 21/5/2007 của chị Lại Thị Th, số tiền 1.000.000đ, ngày 22/5/2007 Th tiếp số tiền 1.500.000đ, tổng số tiền 2.500.000đ.
25. Ngày 18/5/2007 của chị Nguyễn Thị L, số tiền 2.500.000đ
26. Ngày 22/5/2007 của chị Nguyễn Thị L, số tiền 2.500.000đ.
27. Ngày 29/5/2007 của chị Nguyễn Thị L, số tiền 2.500.000đ
28. Ngày 29/5/2007 của chị Lê Thị H (chị H đã nhận lại tiền).
29. Ngày 30/5/2007 của chị Nguyễn Thị H, số tiền 2.500.000đ.
30. Bà Lê Thị T, sinh năm 1981, Th số tiền 2.500.000đ (chị T đã nhận lại tiền) .
31. Ngày 06/6/2007 của chị Lê Thị P, số tiền 2.500.000đ (chị P không yêu số tiền trên).
32. Ngày 06/6/2007 của chị Nguyễn Thị Ng, số tiền 2.500.000đ.
33. Ngày 06/6/2007 của chị Đỗ Thị N, số tiền 2.500.000đ.
34. Ngày 07/6/2007 của anh Nguyễn A, số tiền 2.500.000đ (anh Anh không yêu cầu S và L phải trả lại số tiền trên)
35. Ngày 08/6/2007 của chị Phạm Thị Th, số tiền 2.500.000đ.
36. Ngày 08/6/2007 của bà Nguyễn Thị H, số tiền 2.500.000đ.
37. Ngày 11/6/2007 của chị Phạm L P, số tiền 2.500.000đ. (Hiện nay S và L đã trả lại 2.300.000đ)
38. Ngày 11/6/2007 của chị M Thị X, số tiền 2.500.000đ.
39. Ngày 14/6/2007 của anh Cao Anh T, số tiền 6.000.000đ.
40. Ngày 18/6/2007 của chị Bùi Thị Y, số tiền 2.500.000đ.
41. Ngày 19/6/2007 của chị Lê Thị Th, số tiền 2.500.000đ.
42. Ngày 23/6/2007 của chị Phạm Thị Th, số tiền 2.500.000đ.

43. Ngày 27/6/2007 của chị Ninh Thị M, số tiền 2.500.000đ.
  44. Ngày 29/6/2007 của chị Lê Thị Kim H, số tiền 2.500.000đ.
  45. Ngày 02/7/2007 của anh Trịnh Đình P, số tiền 2.500.000đ.
  46. Ngày 06/7/2007 của chị Nguyễn Thị H, số tiền 2.500.000đ.
  47. Ngày 06/7/2007 của chị Lê Thị T, số tiền 2.500.000đ.
  48. ngày 23/06/2007 của chị Nguyễn Thị Th, số tiền 2.500.000đ.
  49. Ngày 10/7/2007 của chị Nguyễn Thị A, số tiền 2.500.000đ.
  50. Ngày 15/7/2007 của chị Lê Thị L, số tiền 2.500.000đ.
  51. Ngày 15/7/2007 Bà Nguyễn Thị Th, số tiền 2.500.000đ.
  52. Ngày 16/7/2007 của chị Đỗ Thị P, số tiền 2.500.000đ (chị P đã nhận lại 1.500.000đ, số còn lại không yêu cầu bồi thường).
  53. Ngày 18/7/2007 của chị Hà Thị N, số tiền 2.500.000đ.
  54. Ngày 20/7/2007 của chị Bà Nguyễn Thị G, số tiền 2.500.000đ (chị G đã nhận lại 2.000.000đ).
  55. Ngày 21/7/2007 của chị Lê Thị T, số tiền 2.500.000đ.
  56. Ngày 21/7/2007 của chị Phạm Thị L, số tiền 2.500.000đ (chị L đã nhận lại 2.000.000đ).
  57. Ngày 13/8/2007 của anh Nguyễn Văn T, số tiền 2.500.000đ (anh T đã nhận lại 1.000.000đ, còn lại 1.500.000đ yêu cầu bồi thường)
  58. Ngày 04/6/2007 của anh Hà Th L, số tiền 2.500.000đ;
  59. Ngày 08/6/2007 của chị Nguyễn Thị H, số tiền 2.500.000đ.
- Trong tổng số tiền 169.700.000đ, Lê Khắc S lấy 82.740.000đ, Lê Văn L lấy 55.370.000đ để sử dụng cá nhân, số còn lại S và L sử dụng mua bán thiết bị văn phòng và trả L cho một số ít nhân viên mục đích tạo lòng tin cho những người đã nộp tiền xin việc làm và che giấu bản chất không có hoạt động của Công ty.
- Từ ngày 05/9/2007, Lê Khắc S bàn giao lại Công ty cho Lê Văn L quản lý, điều hành, trong thời gian này L còn tiếp tục nhận hồ sơ và tiền đặt cọc của 06 người với số tiền là 29.000.000đ (hai chín triệu đồng) gồm:
1. Nguyễn Thị H, ngày 21/9/2007 số tiền 6.000.000đ.
  2. Cao Thị Tuệ, ngày 09/11/2007 số tiền 6.000.000đ.
  3. Hà Thị L, ngày 18/02/2008 số tiền 6.000.000đ.
  4. Hà Thị Thùy, ngày 19/02/2008 số tiền 2.500.000đ.
  5. Đỗ Thị C, ngày 19/02/2008 số tiền 6.000.000đ. Chị C không yêu cầu bồi thường.
  6. Bùi Kim Tuyến, ngày 20/02/2008 số tiền 2.500.000đ.

Ngoài ra, còn 11 người với số tiền là 30.500.000đ nhưng trên phiếu thông tin không rõ ràng, CQCSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được con người, không lấy được lời khai nên không có cơ sở xem xét.

Sau khi nhận hồ sơ và tiền của 59 người, L và S chỉ bố trí cho 09 người vào làm việc tại Công ty như các vị trí kế toán, giáo viên, văn phòng để cho số NH viên văn phòng tin tưởng; hàng tháng S và L cũng chỉ trả cho họ một số L ít ỏi, không như thỏa Thuận trước khi tiếp nhận. Sau thời gian 02 tháng số NH viên văn phòng thấy Công ty không có hoạt động gì, không có ký kết hợp đồng làm vệ sinh với các Cơ quan khác như đã quảng cáo, số tiền đặt cọc thì Công ty không Th toán lại như đã cam kết, không được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Đối với số xin vào làm công NH L và S chỉ mở lớp đào tạo sơ sài do chính giáo viên là NH viên công ty giảng dạy, hoặc gửi họ đi đào tạo tại các Công ty môi trường ngoài Hà Nội nhưng không mất phí, sau khi đào tạo xong L và S cho họ về nhà chờ việc; việc đào tạo này chỉ nhằm tạo lòng tin với công NH. Sau thời gian làm việc không được trả L, số công NH sau khi đào tạo xong không được bố trí việc làm như cam kết nên số NH viên văn phòng và số công NH đã đến đòi lại tiền đặt cọc nhưng S và L chỉ trả được cho một vài người, số người còn lại đã đến gặp S và L đòi nhiều lần, nhưng S và L không có khả năng Th toán, họ biết bị lừa nên đã đến Công an Tphố Th Hóa tố cáo hành vi phạm tội của S và L

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 03/11/2016 gia đình Lê Văn L đã tự nguyện đến CQCSĐT Công an Tphố Th Hóa nộp số tiền 30.000.000đ để khắc phục H quả.

Ngoài ra, Lê Khắc S và Lê Văn L đã bồi thường cho:

- Anh Nguyễn Văn T 1.000.000đ, còn 1.500.000đ tiếp tục yêu cầu bồi thường;
- Chị Phạm Thị L 2.000.000đ, còn 500.000đ tiếp tục yêu cầu;
- Chị Nguyễn Thị G 2.000.000đ, còn 500.000đ tiếp tục yêu cầu;
- Chị Nguyễn Thị H 1.250.000đ, còn 1.250.000đ tiếp tục yêu cầu;
- Chị Nguyễn Thị M 3.000.000đ, còn 3.000.000đ tiếp tục yêu cầu;
- Chị Lê Thị T 2.400.000đ, còn 100.000đ không yêu cầu bồi thường.
- Chị Phạm Thị P 2.300.000đ, còn 200.000đ không yêu cầu bồi thường.
- Chị Đỗ Thị P 1.500.000đ, còn 1.000.000đ không yêu cầu bồi thường;.
- Chị Lê Thị H 2.500.000đ không yêu cầu gì thêm;
- Chị Đỗ Thị H 2.500.000đ không yêu cầu gì thêm;
- Chị Lê Thị N 2.500.000đ không yêu cầu gì thêm;
- Anh Nguyễn A còn 2.500.000đ không yêu cầu bồi thường;
- Chị Nguyễn Thị Th còn 2.500.000đ không yêu cầu bồi thường;
- Chị Lê Thị P còn 2.500.000đ không yêu cầu bồi thường ;

Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường là: 22.950.000đ.

Tổng số tiền các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường là: 8.800.000đ.

Lê Khắc S đã bồi thường số tiền 9.000.000đ gồm chị Đinh Thị Tài 6.000.000đ và anh Phạm Văn H 3.000.000đ.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 244/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND Tphố Th Hóa đã Quyết định:***

TuY bố: Lê Văn L và Lê Khắc S phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Xử phạt: Lê Văn L 54 (năm mươi tư) tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 01/11/2016 đến 03/11/2016). Bị cáo Lê Khắc S 51 (năm mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuY buộc về trách nhiệm dân sự của các bị cáo, án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 18/10/2018, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo không phải là người khởi xướng, phân bồi thường của bị cáo nhiều hơn nhưng hình phạt quá nặng.

Ngày 22/10/2018, bị cáo Lê Khắc S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa Phúc thẩm,*** các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nH dân tỉnh Th Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, giảm cho bị cáo L từ 02 đến 03 tháng tù và giữ nguY bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn L và Lê Khắc S đều làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục Phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn L và Lê Khắc S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, khoảng tháng 4/2007, S và L đã bàn bạc cùng nhau T lập “Công ty kỹ thuật môi trường và làm sạch Thanh Hóa”, địa chỉ tại 448 Lê Lai, phường S, Thành phố Thanh Hóa, đăng ký vốn điều lệ là 1.200.000.000đ. Các bị cáo pH công S làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, L làm Giám đốc. Tuy nhiên trên thực tế S, L không góp vốn và Công ty cũng không có hoạt động gì. Để có tiền chi tiêu, các bị cáo đã đến Đài Truyền hình Thanh Hóa đăng tin quảng cáo tuyển dụng nhân viên văn phòng và công nhân làm sạch môi trường, hứa hẹn mức L cũng như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định nhằm chiếm đoạt tiền đặt cọc của những người đến nộp hồ sơ xin việc. Trong khoảng thời gian kể từ 27/4/2007 đến 04/9/2007, các bị cáo đã chiếm đoạt của 59

người với số tiền là 169.700.000đ và kể từ ngày 05/9/2007 đến ngày 22/02/2008, một mình L còn chiếm đoạt của 06 người khác với số tiền là 29.000.000đ.

Do có hành vi nêu trên, Lê Văn L và Lê Khắc S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 như bản án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của những người lao động đang có nhu cầu tìm việc làm, gây mất trật tự trị an chung cho xã hội nên phải bị xử phạt nghiêm minh. Khi quyết định hình phạt, các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các T tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; các bị cáo đầu thú và được một số người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt tại các điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, bị cáo L không phải là người khởi xướng và trong tổng số tiền 169.700.000đ lấy được của 59 bị hại thì S sử dụng nhiều hơn. Tại giai đoạn điều tra, L và gia đình cũng khắc phục trả lại cho bị hại nhiều hơn so với S (L và gia đình đã khắc phục là 40.475.000đ, S là 20.475.000đ). Như vậy ở vụ thứ nhất S phải chịu trách nhiệm cao hơn L mới đúng. Tuy nhiên, kể từ ngày 05/9/2007 đến ngày 22/02/2008 S đã bàn giao Công ty cho L, một mình L còn tiếp tục chiếm đoạt của 6 người khác với số tiền là 29.000.000đ. Do đó xem xét toàn diện vụ án cần xác định trách nhiệm hình sự của cả hai bị cáo là Ngang nhau.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo L xuất Tnh tài liệu, chứng cứ mới cụ thể bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho 12 bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuY với số tiền là 25.290.000đ và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên chỉ có 07 giấy nhận tiền của bị hại có xác nhận của chính quyền địa P, có bản sao chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc có người của họ làm chứng là có cơ sở chấp nhận (gồm: Nguyễn Thị H, Phạm Thị L, Nguyễn Thị H, Lê Thị T, Lê Thị Th, Lê Thị P, Phạm Thị Th). Ngoài ra, L đã có thời gian tham gia quân đội được tặng Giấy khen trong phong trào thi đua năm 2002. Đây là T các tiết mới theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Lê Khắc S không có T tiết gì mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự, công nhận bị cáo L đã khắc phục bồi thường thêm cho bị hại tại giai đoạn Phúc thẩm với số tiền là 15.500.000đ. Số tiền còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Về án phí. Bị cáo L được sửa về hình phạt nên không phải nộp án phí hình sự Phúc thẩm; bị cáo S không được sửa hình phạt nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn L, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Khắc S, sửa một phần bản án sơ thẩm số 244/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND Tphố Th Hóa đối với Lê Văn L.

Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 48 (bốn mươi tám) tháng tù; bị cáo Lê Khắc S 51 (năm mươi một) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Lê Văn L được trừ 03 ngày tạm giữ (01/11/2016 đến 03/11/2016). Thời gian chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Công nhận bị cáo Lê Văn L đã bồi thường đủ cho các bị hại gồm: Nguyễn Thị H, Phạm Thị L, Nguyễn Thị H, Lê Thị T, Lê Thị Th, Lê Thị P và Phạm Thị Th.

Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo L không phải nộp, bị cáo S phải nộp 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Th Hoá;
- VKSND TP. Th Hóa;
- TAND TP. Th Hóa;
- CA TP. Th Hóa;
- Chi cục THADS TP. Th Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;VP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Chinh**